



GIẢNG DẠY NGỮ ĐIỆU TIẾNG VIỆT

PGS.TS Nguyễn Chí Hoà*, ThS Ngô Thị Hoa**

1. Ngữ điệu và tính tất yếu khách quan của việc dạy ngữ điệu

Thuật ngữ ngữ điệu dùng để chỉ cách lên giọng hay xuống giọng về cao độ khi nói, nhằm thể hiện ý nghĩa riêng của người nói, với mong muốn người nghe hiểu được ý nghĩa đó. Ngữ điệu là mặt nhạy cảm của ngôn ngữ. Người nói thường thể hiện ngữ điệu ở tình trạng vô thức.

Xét về mặt truyền thống, các lý thuyết đã cố gắng chỉ ra sự gắn kết giữa cấu trúc cú pháp và những mô hình cơ bản của ngữ điệu. Mặc dù những lý thuyết này không phải là 100% đều chặt chẽ và sâu sắc đến độ không thể bác bỏ được nhưng đã cung cấp một số quy tắc có thể áp dụng vào việc giảng dạy để giúp cho sinh viên sử dụng ngữ điệu một cách thành công.

Trong một số ngôn ngữ, ngữ điệu lại đóng vai trò quan trọng với những đặc điểm riêng. Chẳng hạn, những ngôn ngữ Scandi có khuynh hướng phát âm những âm tiết khinh âm cao hơn so với âm tiết trọng âm còn người Anh thì làm ngược lại. Người Italia có khuynh hướng thay đổi trật tự của từ trong câu để đánh dấu trọng âm vào một từ cụ thể. Có những ngôn ngữ, thanh điệu và ngữ điệu mang chức năng ngữ nghĩa đặc biệt; chẳng hạn, tiếng Việt và những ngôn ngữ khác nhau của Trung Quốc. Các ngôn ngữ này được gọi là các ngôn ngữ thanh điệu và họ sử dụng giọng theo những cách khác nhau. Cao độ và sự chuyển động của thanh đối với một âm tiết có thể tạo ra những nghĩa khác nhau. Ví dụ : “tôi” và “tôi” không cùng một nghĩa, hai từ này lại khác xa với “tội”.

Trong bài này, chúng tôi sẽ xem xét ngữ điệu trong mối quan hệ với cấu trúc thông tin, cấu trúc cú pháp và cấu trúc đề – thuyết để nghiên cứu tác động của ngữ điệu đối với những loại cấu trúc này như thế nào, trên cơ sở đó đi sâu vào cấu

*, ** Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

trúc ngữ điệu tiếng Việt, và khảo sát những bài học ví dụ để áp dụng cho việc dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ. Trước khi làm điều đó, chúng ta hãy khảo sát về hoạt động của ngữ điệu.

Âm tiết mạnh và âm tiết trọng âm

Các phát ngôn được tạo bởi các âm tiết và âm tiết nào được phát âm ở âm vực cao thì được gọi là **âm tiết trọng âm**. Những âm tiết được phát âm với một cao độ tương đối xảy ra trên đường tới âm tiết trọng âm được tạm gọi là **âm tiết mạnh**. Chẳng hạn, trong câu trả lời dưới đây “sống” là một âm tiết mạnh và âm tiết trọng âm trong câu trả lời này là “HÀ”: // - Cô ta sống ở đâu? // - // Cô ta SỐNG ở HÀ Nội // . (ooOoOo)¹. Ngữ điệu của câu này đi lên một chút từ âm tiết mạnh đến âm tiết trọng âm ở cao độ cao nhất để rồi đổi hướng đi xuống một cách dễ nhận thấy. Cao độ mà một người nói bắt đầu phát ngôn phụ thuộc vào những thói quen phát âm riêng của họ, nhưng nói chung, cao hơn so với thói quen thông thường nếu họ bức bối hoặc bị kích thích và thấp hơn nếu họ đang chán nản hoặc đang ở tâm trạng thoải mái. Cao độ được hình thành từ âm tiết mạnh đến âm tiết trọng âm được hiểu như một cao độ có tính hạt nhân. Một phát ngôn có thể nhiều hơn một âm tiết trọng âm: // Cô ta SỐNG ở HÀ Nội // TỪ năm cô ta HAI mươi tuổi //.

2. Quan hệ giữa ngữ điệu với các bình diện khác của câu nói

Nói tới ngữ điệu là nói tới phát ngôn – câu. Vậy, ngữ điệu có liên quan tới những bình diện nào của câu nói? Trong học và dạy tiếng, người học tiếng cần đạt được một số kỹ năng quan trọng, bao gồm khả năng hình thành và lĩnh hội được nội dung xác định của câu thuộc ngôn ngữ đó. Họ cần có một sự nhạy cảm đối với các tập quán thực tế và văn hoá vốn dĩ rất khác biệt với họ. Họ cần có khả năng nhận biết các cách hình thành nội dung xác định của ngôn ngữ đang học, theo đúng ngữ pháp. Trên cơ sở nhận thức, cơ sở ngữ pháp, họ có thể chỉ ra chức năng thông tin của các thành phần khác nhau trong một câu.

2.1. Ngữ điệu và cấu trúc thông tin trong tiếng Việt

Người nói chia thông báo thành một hoặc nhiều hơn một khúc đoạn, đó là những đơn vị thông tin. Những đơn vị thông tin này được hiện thực hoá, không phải trực tiếp bằng những đơn vị ngữ pháp mà bằng những đơn vị ngữ âm được gọi là đơn vị trọng âm. Người nói đã tổ chức những đơn vị ấy như thế nào?

Người ta thường xác định thông tin cũ và thông tin mới bằng các phương tiện ngữ âm. Thông tin cũ và thông tin mới có một phạm vi hoạt động rộng trong việc triển khai đơn vị thông tin. Mỗi đơn vị thông tin bao hàm những thành tố mới có tính chất bắt buộc, những thành tố này được nổi bật lên bằng những hạt nhân của những đơn vị ngữ điệu. Có những thông tin mới và thông tin cũ được phân biệt một cách rõ ràng bằng quãng ngắt; tuy nhiên, cũng có những thông tin cũ và thông tin mới đan cài vào nhau. Sở dĩ có điều đó là do sự tương thích của phát

ngôn với mục đích giao tiếp, và còn do đòi hỏi sự phát triển có tính chất điển hình là từ thông tin cũ đến thông tin mới.

Thành tố thông tin cũ là thông tin mà người nói cho rằng anh ta đã biểu thị như là cái đã thông báo cho người nghe, là những cái mà người nói và người nghe đã biết trước. Những cái đã biết này có thể có được do ngôn cảnh hoặc do bối cảnh hoặc ngữ cảnh văn hoá. Cái mới là cái có liên quan đến những thông tin mà người nói cho rằng người nghe chưa biết.

Tiêu điểm đánh dấu và tiêu điểm không đánh dấu

Thông thường nhiều diễn ngôn không được nhấn mạnh. Thói quen thông thường là, chúng ta bắt đầu thông báo của mình từ những cái mà chúng ta nghĩ rằng người nghe đã biết và phát triển từ cái mà anh ta đã biết đó. Nói một cách khác, sự phân bố giữa những cái được đánh dấu và cái không được đánh dấu, về nguyên tắc của mục đích giao tiếp, là bắt đầu từ những cái đã biết và tiến đến cái mới. Trong những trường hợp này, cái gọi là tiêu điểm thông tin nằm ở cuối phát ngôn. Như vậy, trong các phát ngôn trung hoà, tiêu điểm của thông tin hướng đến phần cuối của phát ngôn. Trong ngữ pháp, điều đó thường có ý nghĩa là tiêu điểm rơi vào những đơn vị từ vựng sau cùng trong câu. Tuy nhiên, những đơn vị đi sau hạt nhân có thể mang cái cũ và thường không mang trọng âm. Tiêu điểm có thể nằm ở những vị trí khác nhau: (+) Tiêu điểm nằm ở phần cuối mang thông tin mới:
– *Ta biết người là **thợ giỏi**.* (+) Tiêu điểm không nằm ở phần cuối phát ngôn:
– *Các người đừng **động** đến ta v.v...*

Tiêu điểm cho những mục đích tình cảm

Việc tách thông tin mới và thông tin cũ thường tạo ra sự tương phản. Tiêu điểm thông tin được đánh dấu, được sử dụng bởi người nói vì những mục đích khác nhau.

Tiêu điểm biểu thị tình cảm được nhấn vào cái mà người nói muốn biểu thị. Nếu so sánh tiêu điểm không được đánh dấu với những tiêu điểm được đánh dấu thì có thể thấy như sau:

Tiêu điểm không được đánh dấu	Tiêu điểm được đánh dấu
– <i>Tay chân yếu như dây tơ hồng.</i>	– <i><u>Tay chân</u> gì mà yếu như dây tơ hồng.</i>
– <i>Đấy, họ đấy!</i>	– <i>Đấy, <u>chính họ</u> đấy!</i>
– <i>Con đây!</i>	– <i><u>Chính con</u> đây!</i>

Trong tiếng Việt có một số từ biểu thị tình thái như: *thật, thật là, làm sao,...* Những từ này cũng là tiêu điểm biểu thị thái độ, sự đánh giá của người nói đối với sự tình: – **Thật** là một anh chàng lanh lợi//. – **Thật** đốn mạt. // – Đúng thế **thật**! Vì

những lý do biểu cảm hoặc vì mục đích nhấn mạnh hoặc đối lập mà một nhóm âm riêng biệt nào đó bao hàm hơn một hạt nhân được nhấn mạnh. Âm điệu xuống cộng với lên hoặc lên cộng với xuống thường được kết hợp lại để nhấn mạnh cho loại tiêu điểm này.

Có thể khẳng định vai trò của trọng âm và ngữ điệu trong cấu trúc thông tin như sau:

1) Để hiểu được thông báo, người ta chia phát ngôn – câu thành những khúc đoạn. Những khúc đoạn đó được gọi là những đơn vị thông tin. Những đơn vị thông tin này được hiện thực hoá bằng những đơn vị trong lời nói – những đơn vị ngữ điệu. Những đơn vị ngữ điệu này có thể không phù hợp với bất kỳ một phạm trù ngữ pháp nào, vì người nói hoàn toàn tự do phá vỡ thông báo như anh ta mong muốn. Những đơn vị này có thể nhỏ hơn hoặc là lớn hơn một phát ngôn – câu.

2) Mỗi một đơn vị ngữ âm bao hàm một hoặc hơn một đơn vị hạt nhân ngữ điệu. Đơn vị đó tương ứng với một sự thể hiện cao nhất của trọng tâm thông tin được gọi là đỉnh thuyết. Trọng tâm thông tin có thể kéo dài bằng một đơn vị ngữ pháp mà trong đó có một đơn vị hạt nhân.

3) Mỗi một đơn vị thông tin bao hàm một đơn vị thông tin mới có tính bất buộc, một thành tố thông tin đã được đưa ra trước là thông tin cũ đối lập với – thông tin mới. Toàn bộ một đơn vị ngữ âm có thể bao hàm toàn thông tin mới thay vì từ sự bắt đầu lại một thông tin đã cũ. Đơn vị chứa toàn thông tin mới được coi là một phát ngôn – thuyết.

4) Sự phân chia thành thành tố tình lược và thành tố thay thế (substitution) đã được sử dụng để tránh lặp lại những thông tin mà nó đã được người nghe biết từ trước.

5) Trọng âm thường rơi vào đơn vị từ vựng của một đơn vị thông tin. Sự lựa chọn trọng âm để đánh dấu một đơn vị nào đó mở ra một khúc đoạn thông tin mới. Nếu một hạt nhân ngữ điệu được tạo ra rơi vào đơn vị nào đó thì nó đã được đánh dấu để biểu thị cái mới.

6) Trọng tâm thông tin cũng có thể trùng với đơn vị được đánh dấu trong văn bản.

7) Trọng tâm có thể cũng được sử dụng cho một mục đích biểu cảm.

2.2. Ngữ điệu và ngữ pháp trong câu nói tiếng Việt

Không có sự tương ứng một – một tuyệt đối giữa đơn vị ngữ điệu và đơn vị ngữ pháp. Một đơn vị ngữ điệu có thể lớn hơn hoặc nhỏ hơn một phát ngôn – câu. Nếu một người nói nào đó muốn tạo ra một thông báo nhấn mạnh thông tin thì

anh ta thậm chí có thể tạo ra tất cả các từ thành một đơn vị thông tin với hạt nhân ngữ điệu như các từ trong ví dụ dưới đây:

– *Phải cho mày chữa đi!* (11111)// – *Bỏ / con dao / xuống. /* (1111).

Và, trong những câu trả lời hoặc câu hỏi một đơn vị ngữ điệu có thể bao gồm một số âm tiết nổi lên như trong:

Trời ơi! Bà muốn thành nữ hoàng để làm gì? (1100000111)// – *Ông có đi ngay không?* (01111)// – *Anh hãy đi với tôi.* (00101).// – *Mày hãy coi chừng!* (0011).

Thậm chí chỉ có một từ được nổi lên trong dòng âm thanh: *Hắn ở đâu?* (001).

Tuy nhiên, đơn vị ngữ điệu có xu hướng trùng hợp với những đơn vị ngữ pháp; chẳng hạn, những đơn vị dưới đây:

(+) Phát ngôn tương ứng với câu đơn độc lập: – *Mình / đang tâm rút bỏ các con?*

(+) Phát ngôn tương ứng với câu có mệnh đề phụ thuộc: – *Sau cùng/ chỉ còn có năm quyển/ tôi nhất định/ dù có phải chết/ cũng không chịu bán//.*

(+) Phát ngôn tương ứng với câu có một mệnh đề chính và một mệnh đề lồng: – *Ta/ biết/ anh thiếu gì rồi//.*

(+) Phát ngôn có vị ngữ liên hợp, có cùng một chủ ngữ: – *Hôm sau/ anh/ không đi câu cá mà ngồi ở nhà//.*

(+) Nhóm danh từ chủ ngữ: – *Sự sống đầu tiên trên trái đất /hắn phải nằm trong số những động vật này//.*

(+) Cụm giới ngữ như một phần phụ thêm: – *Vào thời cổ đại/ còn có một dân tộc đáng quan tâm là người Phênixi//.*

Tuy nhiên, cần phải nhấn mạnh rằng người nói cắt ngắn hay kéo dài những đơn vị ngữ điệu tương ứng với yêu cầu giao tiếp của họ. Tính tương ứng này mang tính cảm xúc nhiều hơn là sự cố ý hay chủ tâm và vì thế, nó ít bị kiểm soát hơn so với sự lựa chọn những đơn vị từ vựng. Sự khác nhau về độ dài của những đơn vị ngữ điệu còn phụ thuộc vào những yếu tố như tốc độ của phát ngôn, sự tương ứng với nội dung thông báo và yêu cầu cân đối của phát ngôn. Những cấu trúc cú pháp và những đơn vị từ vựng được lựa chọn và ngay cả những đơn vị có tính chất bối cảnh như những điều kiện âm thanh hoặc là những nhân tố con người; chẳng hạn, chuyện tâm sự riêng, sự ngượng ngịu cũng tạo ra sự biến đổi của giọng nói.

Ngữ điệu, trọng âm là một trong những phương tiện thực tại hoá mối quan hệ giữa các vế của câu ghép không liên từ. Trong giao tiếp, ngữ điệu đóng vai trò hết sức quan trọng. Chẳng hạn, cùng một từ "đẹp" nhưng ngữ điệu khác nhau sẽ

tạo ra những ý nghĩa khác nhau, bình thường với ý nghĩa từ điển, "đẹp" không phải là xấu. Nhưng "đẹp" lại có thể được hiểu là "xấu" như ở ví dụ: – // *Rõ đẹp / ông Tham, con ông án mà làm những việc như thế*//.

Trong các phát ngôn không có liên từ, ngữ điệu không hoàn chỉnh của vế thứ nhất (trong các cấu trúc lưỡng phân) thường là dấu hiệu báo còn một điều gì đó được nói đến tiếp theo: – // *Em nhớ cho/ đấy là nguyên tắc*//.

Như vậy, trong các phát ngôn nói trên, ngữ điệu đóng vai trò như "phương tiện cú pháp", thực tại hoá mối quan hệ giữa các vế. Trong câu ghép không liên từ, ngữ điệu quyết định tính đúng đắn về nghĩa và phản ánh mối quan hệ giữa các vế. So sánh: (a) *Muộn rồi / em về nhé*//; (b) *Muộn rồi em/ về nhé*//. Ở (a) phát ngôn được hiểu là: Vì muộn rồi nên em về nhé. Ở (b) phát ngôn được hiểu là: Muộn rồi, chúng ta hãy về đi. Lại so sánh: (a) // *Em không đi/ trời mưa quá*//. (b) // *Em không đi/ trời mưa quá*//. Ở (a) ngữ điệu không hoàn chỉnh tạo ra một phát ngôn có quan hệ nguyên nhân, có thể được hiểu là: Em không đi vì trời mưa quá. Ở (b) ngữ điệu hoàn chỉnh tạo ra hai câu không có quan hệ ngữ pháp và ngữ nghĩa, mặc dù chúng vẫn có quan hệ với tư cách ngữ cảnh trong văn bản.

Ngữ điệu trong các câu ghép không liên từ tồn tại dưới hai hình thức: ngữ điệu không hoàn chỉnh và ngữ điệu hoàn chỉnh. Ngữ điệu không hoàn chỉnh được hiểu là ngữ điệu ngưng lại trên ranh giới giữa hai đơn vị vị tính trong cấu trúc lưỡng phân. Ngữ điệu hoàn chỉnh hay ngữ điệu đồng nhất là ngữ điệu không có quãng ngưng trên ranh giới giữa hai đơn vị vị tính.

Tóm lại, về nguyên tắc các phát ngôn có liên từ thường có ngữ điệu tùy tiện còn các phát ngôn không có liên từ thì trong phần lớn các trường hợp có ngữ điệu không hoàn chỉnh ở chỗ nối của đơn vị vị tính thứ nhất và đơn vị vị tính thứ hai.

2.3. Ngữ điệu và cấu trúc đề – thuyết trong tiếng Việt

Một đơn vị ngữ âm, xét về mặt tiềm năng, là một chuỗi âm tiết có mang trọng âm và không mang trọng âm. Những âm tiết đó được đánh dấu bằng độ cao/ thấp của âm thanh. Âm tiết trọng âm chính là hạt nhân ngữ điệu. Âm tiết mà trong đó hạt nhân trọng âm rơi vào, là trọng tâm thông tin. Theo cách hiểu thông thường thì thuyết là cái nói về đề, nó thường mang thông tin mới. Chính vì lẽ đó, thuật ngữ "đỉnh thuyết" được gắn với trọng âm và cái mới – nói chính xác hơn là thông tin mới. Hơn nữa, âm tiết trọng âm chính là điểm cao nhất của những đơn vị mà những đơn vị này, xét về mặt thông tin, nằm trong trọng tâm. Vị trí hạt nhân là vị trí quan trọng nhất trong phát ngôn. Đó là phương tiện có tính nguyên tắc của sự đối lập và sự nhấn mạnh trong ngôn ngữ nói: //– Nói mau! Nói mau! (01 01)//

– *Đừng lo mẹ ạ!* (0100)

Trong tiếng Việt, sự nổi bật của chính âm luôn luôn được liên kết với sự chuyển động của âm vực tương ứng với những ngữ điệu khác nhau biểu thị thông tin khác nhau. Một ngữ điệu xuống được đánh dấu bằng một âm tiết thích hợp, thường kèm theo một lời khẳng định. Và ngữ điệu xuống được đánh dấu bằng một câu hỏi “à”. *Tại sao à? (001)*. Sự thiếu quả quyết, cầu xin cũng được thể hiện bằng ngữ điệu xuống trong: *Cho tôi đi theo ngài, được không? (001 00 011)*

Trung tâm ngữ điệu của câu là ngữ đoạn trọng âm. Ngữ đoạn trọng âm tập trung vào “thuyết” của phát ngôn. Nếu “thuyết” bao hàm lớn hơn một từ thì trọng âm rơi vào thành tố cuối của tổ hợp từ, hình thành nên thuyết của phát ngôn. Chẳng hạn, khi được hỏi: – *An đã đi đâu?* Câu trả lời là: *Thành phố Hồ Chí Minh* sẽ được phát ngôn cao hơn. Chính vì vậy, trong nhiều trường hợp, phần đề của phát ngôn trả lời có thể được tỉnh lược từng phần hoặc toàn bộ: – *An đã đến Thành phố Hồ Chí Minh → Đã đến Thành phố Hồ Chí Minh → Đến Thành phố Hồ Chí Minh → Thành phố Hồ Chí Minh*. Phần đề và phần thuyết thường được tách thành hai ngữ điệu, quãng ngắt sẽ tách biệt phần đề với phần thuyết: *An đã đến / Thành phố Hồ Chí Minh → Đã đến / Thành phố Hồ Chí Minh. → Đến / Thành phố Hồ Chí Minh*.

Trật tự từ và ngữ điệu như là hai phương thức hình thức phản ánh sự phân đoạn thực tại. Hai phương thức này thường được phủ lên nhau, trong một mối quan hệ chặt chẽ và hữu cơ. Quan hệ này có thể được bao hàm trong một tổ hợp từ xác định. Chúng quan hệ chặt chẽ với nhau theo quan hệ tương hỗ; có nghĩa là, khi mà trật tự của từ không phản ánh phân đoạn thực tại thì phương tiện ngữ điệu được huy động và ngược lại.

Tóm lại, ngữ điệu và trọng âm tuy là phương thức mà người ta khó nhận thấy nhưng đó cũng là phương thức quan trọng để phản ánh mối quan hệ giữa “đề” và “thuyết”.

3. Giảng dạy ngữ điệu

Khó khăn của sinh viên về việc học tập ngữ điệu là ở chỗ giảng viên thường tập trung vào ngữ pháp và từ vựng mà không tập trung chú ý giảng dạy ngữ điệu. Khó khăn còn là ở chỗ, ngữ điệu và ngữ pháp gắn kết với nhau khá lỏng lẻo, vì cùng một từ và cùng một cấu trúc có thể cho những ý nghĩa khác nhau, hoặc truyền đi những quan điểm, thái độ khác nhau bằng sự biến đổi của ngữ điệu. Tuy những phân tích ngữ pháp và những phân tích đường nét ngữ điệu có thể không cho những quy tắc chắc chắn, nhưng nó có thể giúp sinh viên hướng đến những sự lựa chọn phù hợp về ngữ điệu. Thực ra, giảng dạy ngữ điệu tiếng Việt là một việc khó khăn, vì ngữ điệu như một hoạt động vô thức của người nói, và vì

kết quả nghiên cứu ngữ điệu tiếng Việt chưa có được bao nhiêu. Do đó, thái độ của các giảng viên là lơ ngữ điệu hoặc giảng dạy một cách tùy tiện.

Do chỗ các quy tắc ngữ điệu có tính chính xác tương đối và nó có thể không bao trùm lên tất cả mọi khả năng, nên việc đưa ra một quy tắc nào ra để giảng dạy không phải là một vấn đề đơn giản. Những bài học ví dụ dưới đây chỉ ra một số cách khác nhau mà trong đó có sự nối kết giữa ngữ pháp và ngữ điệu và những bài học ví dụ này có thể được sử dụng một cách thực tiễn trong lớp học. Tuy nhiên, việc áp dụng nó là không có tính bắt buộc.

Bài học ví dụ 1 là bài về ngữ điệu của câu hỏi có mô hình: [S+ phải không?]. Đây là bài học kết hợp mà đối tượng người học ở trình độ cơ sở. Đồ dùng học tập cần có là bài tập nghe đã được ghi âm, hệ thống câu hỏi. Các giảng viên giới thiệu chủ đề về ngữ điệu, và kiểm tra xem sinh viên có thể nối kết: tên nước → tên người → tên ngôn ngữ như: Việt Nam → người Việt → tiếng Việt hay không. Sự nối kết này là một sự nối kết dễ dàng. Nó sẽ giúp cho sinh viên nói được tiếng Việt bằng một vài từ ngắn gọn. Trong một lớp học đa ngôn ngữ, giảng viên có thể đặt ra những câu hỏi khác nhau cho sinh viên với câu hỏi có cấu trúc [S+ phải không?]. Ví dụ giảng viên có thể hỏi: “Quốc tịch của bạn là Nhật Bản, phải không?”, “Bạn là người Nhật, phải không?”, “Bạn nói được tiếng Nhật, phải không?” với một ngữ điệu xuống trong phần cuối của câu hỏi. Cùng một kiểu câu hỏi như vậy, giảng viên có thể hỏi các sinh viên của các quốc gia khác để củng cố mẫu ngữ điệu. Sau đó, các sinh viên, theo gợi ý của giảng viên, hỏi sinh viên ngồi bên cạnh một câu hỏi tương tự. Giảng viên chữa câu hỏi hay câu trả lời của sinh viên nếu thấy cần thiết. Để sinh viên có thể dễ dàng đặt câu hỏi, giảng viên có thể viết câu hỏi có cấu trúc ngữ điệu kiểu này lên bảng và chỉ ra cho họ thấy rằng cấu trúc của câu hỏi này gồm hai phần: phần thứ nhất là một câu khẳng định, kết hợp với một tổ hợp “phải không” hoặc “có phải không”. Để phát triển ngữ điệu, giảng viên có thể cho sinh viên luyện phát âm câu: “Bạn là người Nhật”, sau đó ghép thêm: “Bạn là người Nhật, phải không?” để luyện tập. Các câu này có thể được luyện tập theo kiểu đồng thanh và theo từng cá nhân. Tuy nhiên, để tập trung vào ngữ điệu của loại câu hỏi này, giảng viên có thể hỏi lại sinh viên và yêu cầu sinh viên lên và xuống theo mô hình ngữ điệu.

Bài học ví dụ 2 là bài học về ngữ điệu câu thỉnh cầu. Bài học có đối tượng là sinh viên trình độ trung cấp. Trong bài học này, giảng viên và sinh viên khảo sát cấu trúc với chức năng yêu cầu người khác chấp nhận hoặc cho phép tiến hành một hành động nào đó. Ví dụ:

– Em ơi! Em cho anh ăn với! [Oo O o o O o]

Bài luyện tập này, yêu cầu giảng viên phải đưa ra được những ngữ cảnh cần thiết khác nhau để sinh viên có thể sản sinh ra những câu nói có cấu trúc tương tự

với cấu trúc trên. Chẳng hạn như, “Phát đang muốn thuê nhà. Anh ta đã tìm được một căn nhà rất gần Khoa Tiếng Việt nhưng căn nhà quá rộng; vì thế, anh ta đang muốn tìm thêm một người ở chung. Bạn cũng đang cần thuê nhà, và bạn rất quý Phát, bạn muốn ở cùng với Phát, bạn sẽ nói thế nào?”. Tình huống này cho phép sinh viên sử dụng cấu trúc trên để yêu cầu. Những sinh viên thường sử dụng mô hình ngữ điệu không đúng và âm thanh của họ phát ra không được tự nhiên; chính vì vậy, giảng viên có thể lập bảng trọng âm như sau:

O	o	O	o	O	O	o
Phát	ơi,	Phát	cho	mình	ở	với
Anh	ơi,	anh	cho	em	ở	với
Cậu	ơi,	cậu	cho	tớ	ở	với

Qua các tình huống cụ thể, giảng viên cần chú ý giúp họ hoàn chỉnh bài tập một cách tích cực. Việc nghiên cứu ngữ điệu sẽ giúp sinh viên giao tiếp thành công. Để làm được điều đó, giảng viên gợi ý các tình huống để sinh viên sản sinh ra câu. Từng người từng người một, được đặt vào từng tình huống cụ thể. Tuy nhiên, giảng viên có thể luyện tập đồng thanh bên cạnh việc luyện tập cho từng cá nhân. Sau đó, giảng viên viết một câu lên bảng và yêu cầu sinh viên trả lời câu này lên giọng ở chỗ nào và xuống giọng ở chỗ nào. Nếu sinh viên chưa nắm ngữ điệu câu một cách chắc chắn thì giảng viên có thể nói to câu đó lên, làm cho nó thật rõ ràng. Và ghi lên bảng mô hình ngữ điệu.

4. Kết luận

Trong bài này, chúng tôi đã:

– Miêu tả ngữ điệu như là những sự thay đổi do cao độ của giọng nói tạo ra khi chúng ta nói. Xem xét ngữ điệu như là một mặt của ngôn ngữ được thể hiện một cách vô thức. Ngữ điệu được sử dụng theo những cách khác nhau trong những ngôn ngữ khác nhau; do đó, ngữ điệu là một khu vực quan trọng trong việc học tập và giảng dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ.

– Xem xét quan hệ giữa ngữ điệu và cấu trúc thông tin; quan hệ giữa ngữ điệu với ngữ pháp; quan hệ giữa ngữ điệu với cấu trúc đề –thuyết; quan hệ giữa ngữ điệu với thái độ của người nói,... và chỉ ra ngôn ngữ nói có thể có những đơn vị ngữ điệu như thế nào.

– Khẳng định ngữ điệu là có thể học và có thể dạy.

CHÚ THÍCH

- ¹ Trong bài này, chúng tôi trình bày cả hai cách ký hiệu trọng âm, bằng số (01) và bằng cơ chữ (oO).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Cao Xuân Hạo (a), *Tiếng Việt – Mấy vấn đề ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1998.
- [2] Cao Xuân Hạo (b), *Ngữ pháp chức năng tiếng Việt – Câu trong tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1998.
- [3]. Đoàn Thiện Thuật, *Ngữ âm tiếng Việt*, NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1977.